

An Giang, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước lên chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước lên chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-40cm và cao hơn TBNN từ 40-55cm..
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước xuống chậm. Mực nước cao nhất ngày 21/5 cao hơn cùng kỳ năm 2025 từ 20-30cm và cao hơn TBNN từ 45-
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên nhanh. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 21/5 phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-30cm, có trạm trên 40-60cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước xuống nhanh, đỉnh triều trạm Xẻo Rô dưới BĐI là 14cm.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong 5 ngày tới.
- Vùng cửa sông: Đỉnh triều trên sông Cái Lớn - Cái Bé có xu thế xuống chậm theo triều tới ngày 25/5
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh ảnh hưởng đến cây trồng và nguồn nước sinh hoạt, tưới tiêu.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website:

<http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày

23/5/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	21/05		20/05						22/05	23/05	24/05	25/05	26/05
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	135	-8	▼	20	▲	39	▲	132	129	126	123	120
					Hmin	-20	7	▲	21	▲	-14	▼	-24	-23	-17	-5	10
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	143	-10	▼	23	▲	50	▲	140	137	134	131	128
					Hmin	-35	10	▲	20	▲	3	▲	-39	-38	-32	-20	-5
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	137	-2	▼	40	▲	38	▲	134	131	128	125	122
					Hmin	31	8	▲	33	▲	6	▲	28	26	24	22	20
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	158	-4	▼	27	▲	57	▲	155	152	149	146	143
					Hmin	-19	12	▲	21	▲	-2	▼	-23	-22	-16	-4	11
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	160	-14	▼	28	▲	63	▲	157	154	151	148	145
					Hmin	-34	10	▲	17	▲	19	▲	-38	-37	-31	-19	-4
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	143	-13	▼	19	▲	45	▲	140	137	134	131	128
					Hmin	-32	8	▲	20	▲	-2	▼	-36	-35	-29	-17	-2
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	68	16	▲	20	▲	34	▲	71	61	56	51	46
					Hmin	34	14	▲	10	▲	25	▲	44	39	34	29	24
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	64	23	▲	14	▲	39	▲	66	54	50	46	42
					Hmin	41	8	▲	1	▲	21	▲	54	49	44	39	34
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	77	33	▲	19	▲	37	▲	79	66	62	58	54
					Hmin	44	8	▲	-5	▼	13	▲	62	57	52	47	42
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	69	24	▲	9	▲	34	▲	71	60	56	52	48
					Hmin	45	7	▲	-6	▼	18	▲	60	54	49	44	39
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	75	22	▲	11	▲	34	▲	78	67	63	59	55
					Hmin	53	8	▲	-1	▼	21	▲	66	61	56	51	46
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	75	14	▲	25	▲	40	▲	78	68	63	58	53
					Hmin	44	18	▲	21	▲	33	▲	49	44	39	34	29
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	90	14	▲	23	▲	59	▲	93	80	76	72	68
					Hmin	74	17	▲	29	▲	54	▲	68	63	59	55	51
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	75	17	▲	12	▲	32	▲	78	65	61	57	53
					Hmin	58	9	▲	10	▲	27	▲	52	47	43	39	35
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	78	21	▲	33	▲	58	▲	81	68	64	60	56
					Hmin	57	12	▲	25	▲	44	▲	51	46	42	38	34
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	106	12	▲	21	▲	56	▲	109	96	92	88	84
					Hmin	88	14	▲	25	▲	55	▲	82	77	73	69	65
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	129	5	▲	29	▲	62	▲	132	122	117	112	107
					Hmin	78	14	▲	27	▲	45	▲	74	69	64	59	54
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	98	9	▲	20	▲	43	▲	101	88	84	80	76
					Hmin	72	13	▲	25	▲	37	▲	66	61	57	53	49

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	82	10	▲	13	▲	30	▲	85	72	68	64	60
					Hmin	68	13	▲	21	▲	33	▲	62	57	52	49	46
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	64	11	▲	10	▲	31	▲	67	54	50	46	42
					Hmin	52	10	▲	18	▲	38	▲	46	41	36	33	30
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	46	11	▲	13	▲	16	▲	39	35	32	29	26
					Hmin	35	9	▲	26	▲	61	▲	16	12	10	8	6
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	66	-15	▼	21	▲	26	▲	56	46	41	36	40
					Hmin	-35	11	▲	-2	▼	1	▲	-29	-27	-25	-23	-21

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





